

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2019
“*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Đỗ Văn Kha; Ông Đào Xuân Nhi**

- Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Ông Hoàng Hữu Bình – Thư ký Tòa án

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên Tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 282/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị A – SN: 1983.**

- Bị đơn: **Ông Dương Xuân B – SN: 1980.**

Cùng trú tại: Khu phố SC, phường TT, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà và ông B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, không ai ép buộc và chung sống với nhau từ năm 2002, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã NC, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, vợ chồng hay cãi nhau, ông B không quan tâm, chăm lo đến con cái. Bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà A yêu cầu được ly hôn với ông B

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 02 người con A là cháu Dương Xuân C, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2003 và Dương Anh D, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2008. Bà yêu cầu tự thỏa thuận về việc nuôi con với ông B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai lập ngày 19 tháng 7 năm 2019, bị đơn ông Dương Xuân B trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà A về thời gian chung sống, lý do mâu thuẫn gia đình giữa hai vợ chồng như bà A trình bày, hiện nay ông và bà A đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay bà A yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý, tuy nhiên, do công việc gia đình nên ông yêu cầu 4 hoặc 5 ngày sau, ông sẽ lên tòa để hòa giải và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông với bà A.

Về con chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung; không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án:* Đây là vụ án “*Tranh chấp về ly hôn*” do bà Nguyễn Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn ông Dương Xuân B trú tại khu phố SC, phường TT, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[1.2] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt:* Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, vào ngày 06 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị A có đơn xin vắng mặt; Ngày 15 tháng 8 năm 2019 bị đơn ông Dương Xuân B có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc các bên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng bà A, ông B theo thủ tục chung.

[2] Về phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của bà A, ông B và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà A và ông B kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả bà A và ông B đều thừa nhận từ khi ông và bà chung sống với nhau thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, vợ chồng hay cãi nhau. Bà A

và ông B đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Do bà A yêu cầu được ly hôn với ông B còn ông B cũng đồng ý ly hôn với bà A. Tuy nhiên, ông B không lên tòa án tham gia phiên hòa giải để tòa lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho ông và bà A mà ông có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà A và ông B là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không được duy trì nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu theo Luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 08; Điều 09 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc “*tranh chấp ly hôn*”

2. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Dương Xuân B (Bà A và ông B kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2002 theo Giấy đăng ký kết hôn số 50/2002 của Ủy ban nhân dân xã NC, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang).

- *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 00001232 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài; Bà A đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Phước.
 - VKSND TP Đồng Xoài;
 - CC THA DS TP ĐX;
 - UBND xã NC,
- H. Tân Yên, T. Bắc Giang;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Phú Vinh